

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

Áp lực chốt lời gia tăng khiến TTCK Việt Nam điều chỉnh mạnh

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL sụt giảm mạnh với áp lực bán gia tăng vào cuối phiên khi TTCK thể giới diễn biến tiêu cực

## [Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

PNJ, SNZ

## [Quan điểm đầu tư]

Chờ nhịp hồi phục để đóng các vị thế trading T+

28/10/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	921.05	-2.69
VN30	888.88	-2.90
HĐTL VN30F1M	895.90	-2.62
HNXIndex	134.04	-2.25
HNX30	246.47	-2.65
UPCoM	62.73	-1.06
USD/VND	23,177	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.56	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+5
Dầu (WTI, \$)	38.13	-3.64
Vàng (LME, \$)	1,902.84	-0.27

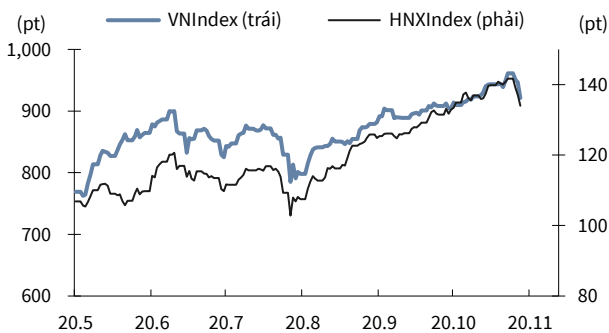


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>921.05 (-2.69%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>389.2 (+0.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>389.2 (+3.3%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>134.04 (-2.25%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>48.1 (+0.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>36.1 (+23.8%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>62.73 (-1.06%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>16.6 (+0.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>13.1 (+67.2%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>-20.3</b>

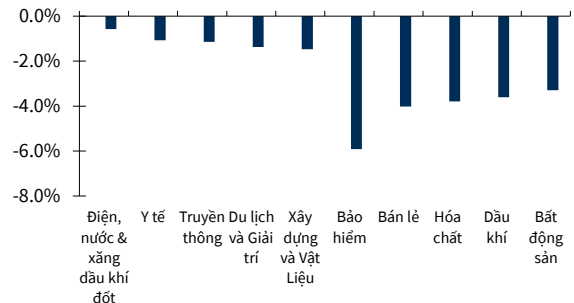
Áp lực chốt lời gia tăng khiến TTCK Việt Nam điều chỉnh mạnh trước những lo ngại về tốc độ tăng số ca nhiễm Covid-19 toàn cầu ở mức đáng báo động và kết quả cuộc bầu cử Mỹ có thể gây tranh cãi. Áp lực bán tăng mạnh ở nhóm ngân hàng với TPB (-6.96%), HDB (-6.31%) sau khi số liệu quý 3 cho thấy nợ xấu có dấu hiệu gia tăng. Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), tiêu thụ của các doanh nghiệp nội địa gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh gay gắt với đường nhập khẩu giá rẻ từ Thái Lan sau hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) khiến cổ phiếu ngành mía đường giảm SLS (-2.4%), LSS (-1%). Cổ phiếu GAS (-0.1%) giao dịch tích cực hơn thị trường chung trước thông tin doanh nghiệp này ký “thỏa thuận các điều khoản chính của Hợp đồng liên doanh dự án kho cảng LNG Sơn Mỹ”, kéo theo diễn biến tích cực ở 1 số cổ phiếu trong ngành như PGS (+2.1%), PLC (+1.5%). Khối ngoại bán ròng ở MSN (-2.16%), VRE (-5.56%), HPG (-3.18%).

## VNIndex & HNXIndex



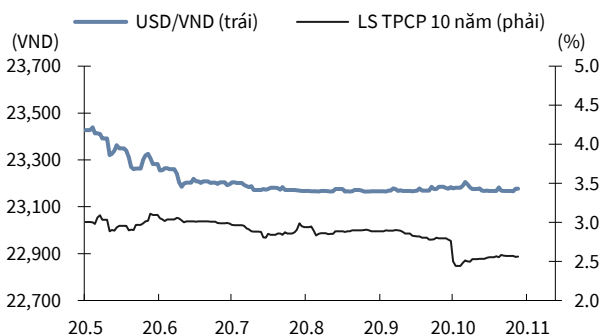
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



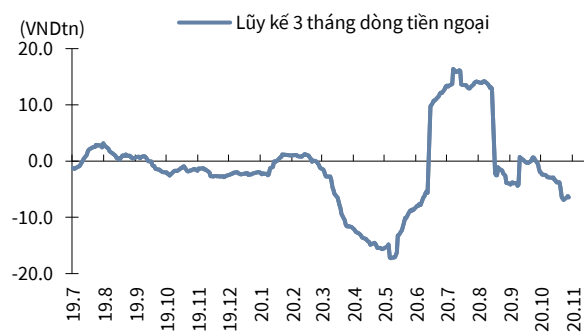
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

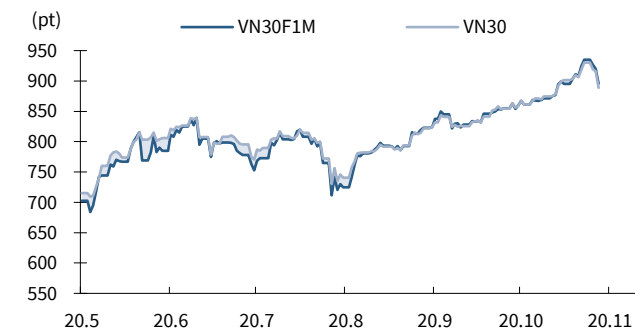
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>888.88 (-2.90%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>895.9 (-2.62%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>921.3</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>921.9</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>894.2</b>

HĐTL sụt giảm mạnh với áp lực bán gia tăng vào cuối phiên khi TTCK thế giới diễn biến tiêu cực. Chênh lệch F2011 và VN30 mở cửa ở 5.54, tăng dần lên mức cao nhất 10.62 trước khi thu hẹp dần và đóng cửa ở 7.02. NĐTNN tiếp tục đà bán ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường không có nhiều thay đổi.

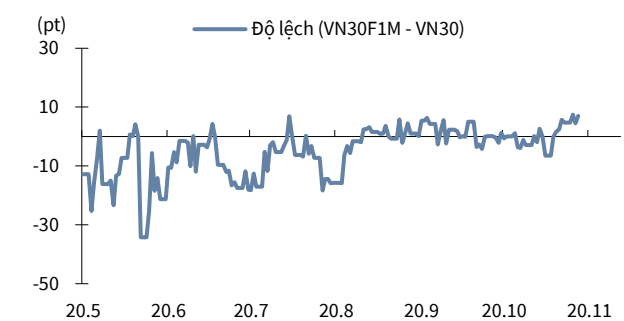
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>86,497 (-51.8%)</b>
------------------	------------------------

## HĐTL VN30F1M & VN30



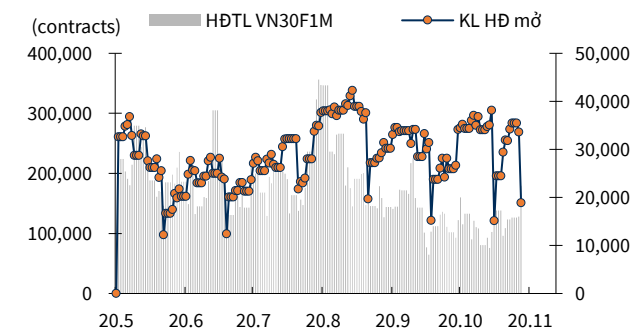
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



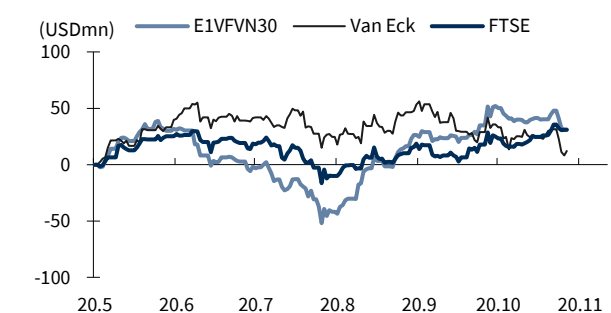
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

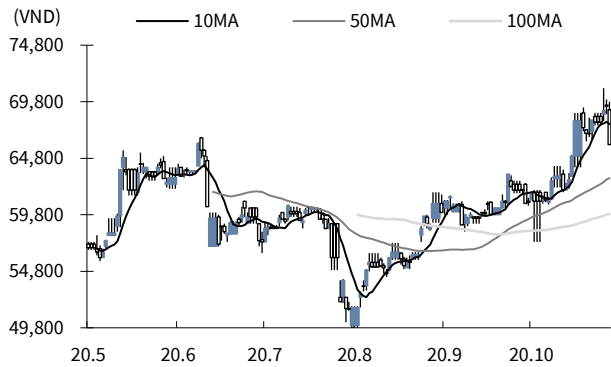
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

## Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)

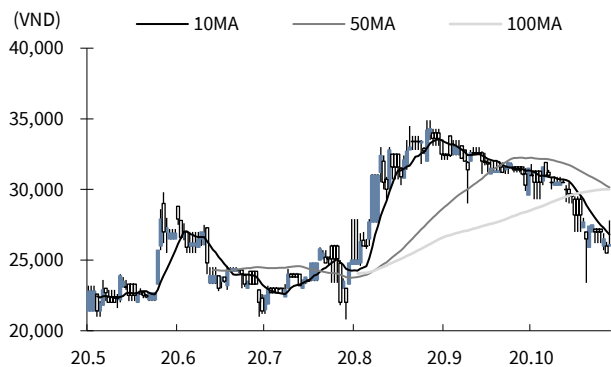


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ giảm -4.9% xuống 66,000 VNĐ/cp.

- PNJ vừa công bố Nghị quyết thông qua việc dự kiến phát hành hơn 2,3 triệu cổ phiếu ESOP với giá phát hành 20,000 đồng, thấp hơn 71% so với giá hiện tại. Số cổ phiếu phát hành này chiếm 1,03% số lượng cổ phiếu đang lưu hành và toàn bộ số cổ phần phát hành thêm sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 12 tháng. Sau khi phát hành thành công, PNJ sẽ nâng vốn điều lệ từ gần 2.253 tỷ lên 2.276 tỷ đồng.

## Tổng Công ty Cổ phần phát triển khu Công nghiệp (SNZ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SNZ tăng 0.4% lên 26,100 VNĐ/cp.

- SNZ công bố báo cáo tài chính với lợi nhuận 329 tỷ đồng (-7.6% YoY) và doanh thu 1,249 tỷ đồng (-6.9% YoY). Trong đó, doanh thu từ kinh doanh nhà và hạ tầng sụt giảm mạnh đạt 72 tỷ đồng (-74%) do hoạt động âm đảm của thị trường bất động sản, doanh thu từ kinh doanh khu công nghiệp 307.5 tỷ đồng (+10% yoy). Đáng chú ý, tổng giá trị tài sản dở dang dài hạn đến cuối quý 3 của Sonadezi đạt 3.777 tỷ đồng, tăng 920 tỷ đồng so với đầu năm trong đó chủ yếu do tăng giá trị chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và chi phí đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Châu Đức (2.830 tỷ đồng).

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

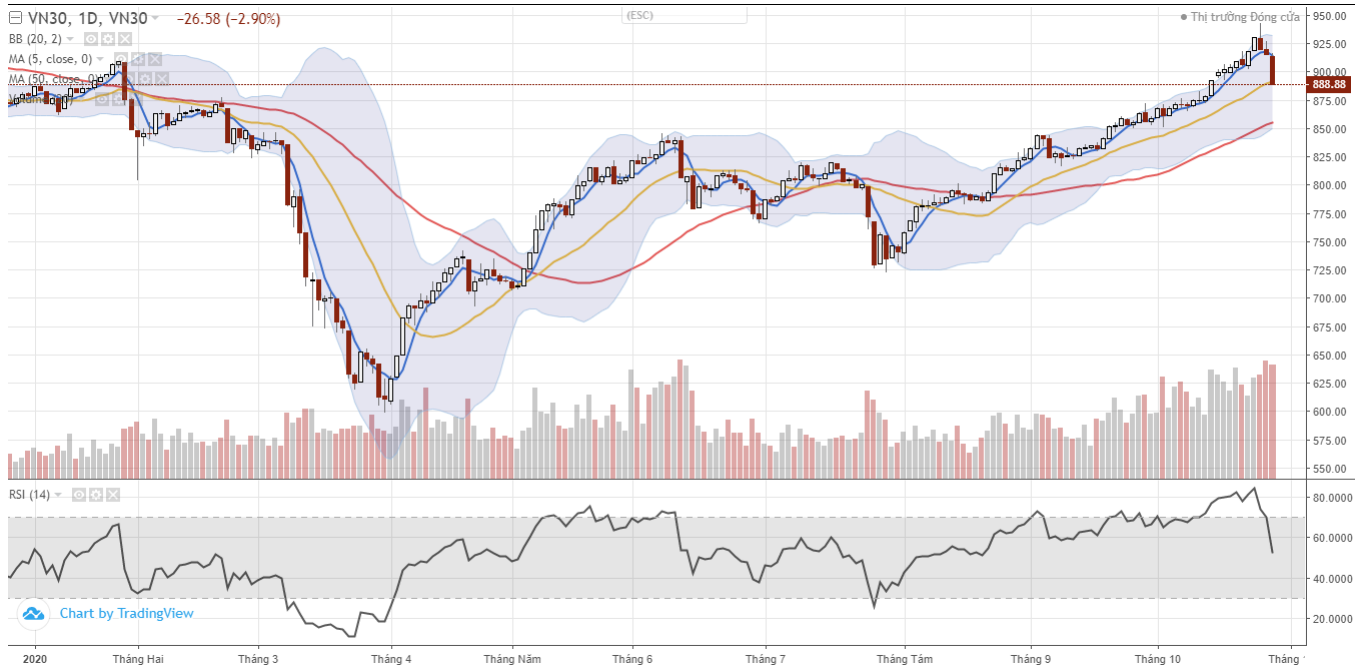
### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex có phiên lao dốc, xuyên thủng vùng hỗ trợ 93x, với đà bán tăng mạnh vào cuối phiên.
- Sau nhịp rơi nhanh và dốc, chỉ số có thể sẽ xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật trong phiên ngày mai. Tuy nhiên, điều chỉnh vẫn đang là xu hướng chủ đạo của thị trường với vùng hỗ trợ kế tiếp tại 89x.
- NĐT được khuyến nghị chờ nhịp hồi phục để đóng các vị thế trading T+ (lưu ý vùng kháng cự gần quanh 840) và chỉ nâng dần tỷ trọng khi chỉ số lùi xuống vùng hỗ trợ tiếp theo.

## Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

## Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự 2:** 914 - 919

**Kháng cự 1:** 907 - 909

**Hỗ trợ 1:** 885 - 887

**Hỗ trợ 2:** 862 - 867

— F1 lao dốc vào cuối phiên và lùi xuống vùng hỗ trợ gần tại 89x.

— Sau nhịp rơi nhanh và dốc cuối phiên, chỉ số có thể sẽ xuất hiện nhịp hồi kỹ thuật trong phiên mai, thử thách lại các vùng kháng cự trong phiên. Tuy nhiên, rủi ro tiếp tục đi xuống vẫn đứng ở mức cao và chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ tiếp tục mở rộng nhịp điều chỉnh xuống vùng 86x.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt mở vị thế LONG/SHORT cả 2 chiều tại các vùng hỗ trợ/kháng cự gần.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở từng phần vị thế LONG khi chỉ số giảm về vùng hỗ trợ sâu.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng chung cho các vị thế trong phiên là 2 điểm, tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến trong phiên, NĐT có thể điều chỉnh tăng giảm nhẹ so với mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

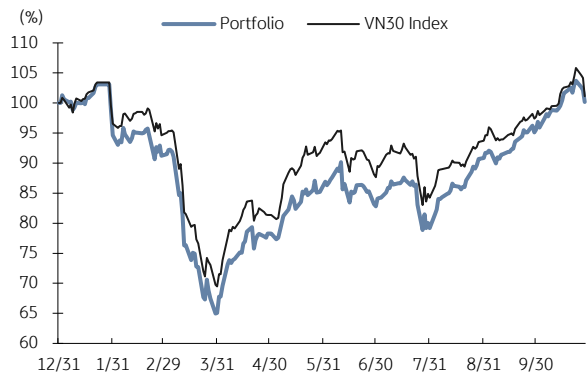
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-2.90%	-1.98%
Tăng lũy kế (YTD)	1.12%	0.15%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 28/10/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	105,000	-4.5%	-9.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	26,800	0.4%	9.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	66,000	-4.9%	-13.9%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,550	-2.0%	2.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế hệ động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	41,750	-0.4%	22.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	50,700	-2.7%	51.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,900	-2.8%	22.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	104,000	-0.5%	-19.5%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	30,400	-3.2%	55.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	13,950	0.7%	1.8%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	-2.6%	22.0%	19.2
CTG	-2.8%	29.3%	18.6
SBT	0.0%	5.2%	17.2
FUEVFNVD	-3.2%	99.3%	13.0
VHM	-2.6%	22.0%	19.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-2.2%	36.4%	-303.4
VRE	-5.6%	30.4%	-56.8
HPG	-3.2%	34.3%	-55.8
VIC	-5.2%	13.9%	-41.6
HDB	-6.3%	20.0%	-39.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
BAX	-0.9%	3.0%	1.1
SHB	-4.5%	6.5%	1.0
PLC	1.5%	0.9%	0.4
SD5	-5.0%	3.3%	0.4
IDV	-1.3%	15.9%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCG	-0.2%	0.3%	-1.7
DNP	1.1%	0.5%	-0.7
NTP	-4.4%	19.0%	-0.7
IDC	0.4%	0.2%	-0.6
TNG	-2.6%	9.1%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	2.6%	HPG, DHM
Thực phẩm và đồ uống	0.3%	MSN, VNM
Bất động sản	0.0%	VIC, PDR
Truyền thông	-0.7%	PNC, YEG
Du lịch và Giải trí	-1.0%	VJC, RIC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-5.9%	SSI, HCM
Ngân hàng	-4.8%	BID, VCB
Bảo hiểm	-4.5%	BVH, BMI
Ô tô và phụ tùng	-4.1%	TCH, DRC
Công nghệ thông tin	-3.9%	FPT, CMG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	11.9%	HPG, TTF
Thực phẩm và đồ uống	6.2%	MSN, SMB
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.1%	PNJ, RAL
Bất động sản	3.0%	VIC, PDR
Hóa chất	2.7%	GVR, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-6.1%	TCH, DRC
Dầu khí	-5.7%	PLX, PVD
Truyền thông	-4.6%	YEG, PNC
Xây dựng và Vật Liệu	-4.0%	CTD, ASG
Du lịch và Giải trí	-3.4%	HVN, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam



## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	100,200	338,920 (14,623)	52,167 (2.3)	22.8	54.7	40.1	19.2	6.6	8.7	3.9	3.5	-5.2	3.0	8.0	-12.9
	VHM	VINHOMES JSC	75,600	248,687 (10,730)	176,066 (7.6)	27.0	9.2	8.1	35.7	38.6	31.1	2.9	2.2	-2.6	-1.0	-1.3	-10.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	25,500	57,944 (2,500)	109,076 (4.7)	18.6	23.1	16.4	0.1	8.8	11.7	2.0	1.9	-5.6	-8.6	-8.3	-25.0
	NVL	NO VA LAND INVES	62,000	61,105 (2,636)	86,628 (3.7)	32.7	16.5	17.2	1.6	15.3	12.7	2.4	-	-0.2	-0.5	-2.2	4.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,000	13,411 (579)	15,440 (0.7)	8.3	12.3	10.2	14.9	14.1	15.6	1.6	1.4	-1.2	0.2	-0.8	-6.3
	DXG	DAT XANH GROUP	11,400	5,908 (255)	63,545 (2.7)	13.5	13.1	5.5	-43.3	3.6	14.5	0.8	0.6	-2.6	-3.4	9.6	-21.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	84,200	312,287 (13,474)	83,238 (3.6)	6.4	19.0	16.4	10.3	19.7	18.8	3.2	2.7	-2.1	-2.3	-2.1	-6.7
	BID	BANK FOR INVESTM	39,300	158,065 (6,820)	94,579 (4.1)	12.6	25.1	17.5	-5.3	9.3	11.8	1.9	1.8	-3.4	-7.2	-4.8	-14.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	22,400	78,403 (3,383)	421,469 (18.2)	0.0	7.7	6.7	4.1	15.5	15.4	1.1	0.9	-3.9	-5.7	-2.0	-4.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	29,900	111,330 (4,803)	264,199 (11.4)	0.7	15.0	12.4	18.7	10.6	11.9	1.4	1.3	-2.8	-3.7	10.1	43.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,200	56,556 (2,440)	194,022 (8.4)	0.3	6.9	6.2	5.4	17.8	16.0	1.1	1.0	-4.7	-7.6	-2.5	16.0
	MBB	MILITARY COMMERC	17,550	48,669 (2,100)	136,025 (5.9)	0.0	6.5	5.6	8.8	18.0	17.5	1.0	0.9	-2.0	-5.4	0.9	-3.0
	HDB	HDBANK	23,000	28,881 (1,246)	43,285 (1.9)	1.5	7.1	6.3	20.3	19.1	18.5	1.3	1.1	-6.3	-9.1	-4.9	8.5
	STB	SACOMBANK	13,100	23,628 (1,019)	277,380 (12.0)	14.4	12.4	9.5	16.4	10.4	9.2	0.8	0.8	-1.5	-9.0	-5.1	30.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,100	18,046 (779)	67,897 (2.9)	0.0	6.0	4.9	29.4	22.4	20.3	1.1	0.9	-6.9	11.6	-6.8	5.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,300	21,269 (918)	6,419 (0.3)	0.0	37.2	35.7	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	0.0	0.3	0.6	-2.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	49,500	36,745 (1,585)	64,441 (2.8)	20.6	30.1	25.4	2.6	6.3	7.7	1.9	1.8	-6.6	-4.8	-0.4	-27.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,300	2,403 (104)	8,948 (0.4)	14.4	-	-	-	8.2	9.1	1.0	1.0	-3.5	-3.3	-8.0	6.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	16,700	10,036 (433)	101,657 (4.4)	49.9	11.3	10.4	-15.9	9.2	9.7	-	-	-2.9	-5.6	-1.2	7.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	34,650	5,738 (248)	40,090 (1.7)	73.1	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-6.9	20.3	17.5
	HCM	HO CHI MINH CITY	20,600	6,284 (271)	66,522 (2.9)	51.3	-	-	-	-	-	-	-	-4.2	-6.4	-0.5	-3.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,850	3,097 (134)	24,704 (1.1)	16.4	-	-	-	-	-	-	-	-3.3	-6.6	8.0	3.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	107,400	224,428 (9,683)	207,313 (8.9)	42.1	22.2	20.4	6.1	38.2	38.4	7.7	7.0	-2.0	0.9	0.5	10.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	184,500	118,316 (5,105)	19,291 (0.8)	36.9	27.7	23.5	1.8	22.3	25.0	5.8	5.1	-0.3	-0.6	-1.9	-19.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	86,000	101,023 (4,359)	283,256 (12.2)	12.6	115.7	43.7	-59.5	2.3	5.9	3.1	3.1	-2.2	2.7	57.2	52.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,500	12,748 (550)	22,297 (1.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.7	-1.7	-4.2	-17.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	104,000	54,479 (2,351)	45,304 (2.0)	12.5	-	13.2	-91.0	7.0	25.0	3.3	2.8	-0.5	0.1	-1.4	-28.9
	GMD	GEMADEPT CORP	22,100	6,562 (283)	12,581 (0.5)	0.0	16.5	14.2	-53.8	6.7	7.5	1.1	1.1	-5.2	-6.0	-7.1	-5.2
	CII	HO CHI MINH CITY	16,200	3,869 (167)	37,463 (1.6)	37.6	8.2	7.6	142.2	9.6	9.4	0.7	0.7	-3.0	12.4	10.2	-28.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,180	1,237 (0.53)	21,210 (0.9)	47.1	-	-	-	-	-	-	-	-2.2	-3.5	-2.7	-87.4
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,000	8,929 (385)	142,820 (6.2)	35.7	23.3	10.0	-20.9	10.5	13.6	-	-	-5.0	10.6	19.5	-1.8
	CTD	COTECCONS CONSTR	55,800	4,257 (184)	90,865 (3.9)	2.4	6.8	7.3	-33.3	7.5	7.0	0.5	0.5	0.0	-4.3	19.4	8.8
	REE	REE	41,750	12,945 (559)	18,527 (0.8)	0.0	8.2	6.9	-8.5	13.9	15.2	1.1	1.0	-0.4	-0.1	3.6	15.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	71,900	137,613 (5,937)	65,721 (2.8)	45.9	17.6	14.6	-15.7	16.4	18.4	2.7	2.6	-0.1	-0.6	-0.4	-23.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,250	6,405 (276)	4,342 (0.2)	29.7	9.6	9.2	-5.7	16.1	17.1	1.5	1.5	0.2	-3.5	-5.3	2.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	22,500	7,214 (311)	4,611 (0.2)	33.3	8.2	7.5	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.1	-1.7	-2.4	-5.7	-16.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	30,400	100,724 (4,346)	487,788 (21.0)	14.7	9.8	8.0	9.4	19.0	19.5	1.7	1.4	-3.2	4.5	15.2	55.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,000	6,261 (270)	47,255 (2.0)	37.2	10.1	10.7	1.4	8.9	8.0	0.8	0.7	-4.8	-5.6	-9.1	23.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	11,500	6,088 (263)	46,361 (2.0)	45.6	14.1	17.2	-14.4	7.6	6.2	-	-	-1.3	-7.3	5.0	76.9
	HSG	HOA SEN GROUP	14,950	6,642 (287)	187,382 (8.1)	40.1	8.0	7.7	45.5	14.4	13.0	-	-	-2.6	-1.6	-7.1	101.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	10,800	2,395 (103)	21,461 (0.9)	97.7	5.3	6.1	45.6	13.3	10.5	0.6	0.6	-4.0	-7.7	-7.8	-10.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	47,500	57,894 (2,498)	14,476 (0.6)	4.0	48.3	16.3	-41.4	5.4	15.3	2.4	2.0	-3.8	-2.9	-7.4	-15.2
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,750	4,527 (195)	74,518 (3.2)	39.8	49.7	26.8	-22.3	0.8	1.5	0.3	0.3	-0.5	-5.7	-8.5	-28.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,150	3,701 (160)	34,695 (1.5)	31.4	8.6	7.5	-18.0	9.2	9.9	0.7	0.7	-0.4	-4.0	-3.7	-21.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	105,000	47,524 (2,050)	91,637 (4.0)	0.0	12.9	9.7	10.2	26.6	28.2	3.1	2.5	-4.5	-0.8	1.9	-7.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	66,000	14,858 (641)	61,223 (2.6)	0.0	16.5	13.8	-0.9	19.3	22.7	2.9	2.7	-4.9	-1.5	6.5	-23.3
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,250	1,384 (060)	1,043 (0.0)	69.4	18.6	13.6	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	-1.2	-1.7	-8.3	19.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	21,100	1,667 (072)	12,573 (0.5)	13.2	15.7	13.3	-66.3	3.2	10.4	-	-	-4.5	-8.5	-	0.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	55,200	7,480 (323)	51,686 (2.2)	36.6	7.6	7.1	24.4	35.7	31.2	2.5	2.1	-1.4	1.7	-4.8	44.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	102,000	13,336 (575)	438 (0.0)	45.2	19.6	18.1	8.0	20.7	20.1	3.7	3.5	-0.6	-1.1	-3.8	11.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	69,300	5,198 (224)	320 (0.0)	37.9	14.7	-	7.3	16.4	-	2.4	-	-1.3	-0.3	1.0	27.6
IT	FPT	FPT CORP	50,700	39,744 (1,715)	116,526 (5.0)	0.0	11.4	9.8	20.0	23.4	24.5	2.4	2.1	-2.7	-4.0	-0.8	0.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

---

**Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình**

binhnx@kbsec.com.vn

### **Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường**

**Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh**

anhdt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh**

trinhhtt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng**

tungla@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh**

anhhttp@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu**

hieudd@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng**

tungna@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga**

ngaphb@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu**

hieunn@kbsec.com.vn

### **Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)**

**Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim**

harrison.kim@kbf.com

**Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung**

dungdpp@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh**

danhnt@kbsec.com.vn

**Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh**

vinhn@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.